TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 04/2019/HSST
Ngày 23 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Duy Quyết**

Ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Bùi Hồng Mơ** - là thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N tham gia phiên toà: Ông **Trần Văn Tuấn** - Kiểm sát viên

Ngày 23/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 85/2018/HSST ngày 28/12/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

1. Nguyễn Văn C *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1988; tại xã G, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Trần Thị Hồng C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 32/2012/HSST ngày 29/05/2012, Toà án nhân dân huyện V, tỉnh N xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 36 tháng tính từ ngày tuyên án 29/5/2012 về tội "Cố ý gây thương tích"; đã chấp hành xong bản án ngày 29/5/2015.

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 19/10/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Đinh Trần G *(Tên gọi khác không),* sinh năm 1991; tại xã L, huyện V, tỉnh N; trú tại thôn Đường 477, xã G, huyện V, tỉnh N; nghề nghiệp: Kinh doanh điện thoại; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Trần H và bà Nguyễn Thị S; vợ Nguyễn Thị V và có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị tạm giam, tạm giữ ngày nào, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: "Cấm đi khỏi nơi cư trú". Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị **Vũ Thị T**, sinh năm 1990; trú tại thôn 4, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Anh **Nguyễn Mạnh Đ**, sinh năm 1982; trú tại xóm 4, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Ông **Đặng Trung C**, sinh năm 1955; trú tại xóm 4, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Anh **Đỗ Trọng L**, sinh năm 1984; trú tại xóm 4, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1957; trú tại thôn T, xã N, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Ông **Đinh Đỗ T1**, sinh năm 1952; trú tại xóm 3, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965; trú tại xóm 3, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Chị **Đinh Thị Mỹ H1**, sinh năm 1996; trú tại xóm 3, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Chị **Đinh Thị Thanh T2**, sinh năm 1987; trú tại xóm 4, xã Đ, huyện Hoài Đức, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa;

Anh **Nguyễn Văn Dương**, sinh năm 1987; trú tại xóm 4, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố H. Vắng mặt tại phiên tòa;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh **Nguyễn Trọng P**, sinh năm 1982; trú tại thôn T, xã G, huyện V, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Bà **Lê Thị Đ**, sinh năm 1973; trú tại thôn C, xã Đ, huyện Q, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

Anh **Giang Đức L**, sinh năm 1981; trú tại phố M, thị trấn T, huyện H, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trong khoảng thời gian từ đầu tháng 8 đến tháng 11 năm 2018, Nguyễn Văn C đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn xã G, huyện V, sau đó bán lại cho Đinh Trần G, cụ thể các lần phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ ngày 11/8/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – ***** từ nhà đi đến nơi gửi xe của Trung tâm y tế huyện V, để gửi xe rồi đi bộ đến xóm 4, xã G. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày C phát hiện nhà chị Vũ Thị T, cửa tum trên mái nhà không đóng, C trèo lên đi vào trong nhà theo lối cửa tum. C đi vào trong gian bếp thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu OPPO A57, vỏ màu đen, của chị T, đang cắm sạc để ở trên lò vi sóng trên bàn bếp. C lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải của mình rồi tiếp tục đi vào gian phòng ngủ, thấy vợ chồng chị T đang ngủ trên giường, trên bàn cạnh giường ngủ có chiếc túi sách màu hồng, C lấy chiếc túi rồi đi lối cầu thang lên mái nhà chị T. C mở túi sách thấy bên trong có một tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 01 chiếc lược nhỏ mầu hồng, 01 chiếc gương nhỏ mầu hồng, 01 thẻ công nhân mang tên chị T. C lấy tiền bỏ vào túi quần bên phải rồi bỏ lại túi xách, cùng các vật dụng trong túi trên mái nhà, C lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra mở màn hình lên thì thấy điện thoại có cài đặt mật khẩu nên C tắt nguồn rồi dùng chiếc ghim bằng kim loại mầu trắng, treo ở móc chùm chìa khóa xe mô tô của C để tháo sim điện thoại ra. Sau đó C trèo xuống theo lối vào ra đường, đi bộ cách nhà chị T khoảng 15m thì C vứt chiếc sim điện thoại xuống ria đường bên phải.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A57 có giá trị 2.500.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn C trộm cắp được của gia đình chị T là 3.000.000 đồng *(Ba triệu đồng)*.

Vụ thứ hai:

Sau khi trộm cắp tài sản nhà chị T, Nguyễn Văn C tiếp tục đi bộ theo đường bê tông trong xóm 4, xã G, lúc này khoảng 03 giờ ngày 11/8/2018, C phát hiện thấy trên tầng 2 nhà anh Nguyễn Mạnh Đ cửa mở, C trèo lên cột điện phía bên trái cổng nhà anh Đ, rồi trèo lên mái nhà cấp 4 bên cạnh, trèo sang lan can tầng 2 nhà anh Đ rồi đi vào trong nhà. C thấy vợ chồng anh Đ đang nằm ngủ trên giường, trên bàn trang điểm có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, vỏ màu trắng, lắp sim số thuê bao 097**** và 01 chiếc điện thoại Samsung J7 màu vàng, lắp sim số thuê bao 0968*** của anh Đ, Cảnh lấy 02 chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên trái, rồi trèo ra ngoài theo lối cũ. Khi đi cách nhà anh Đ khoảng 30 mét, C lấy 02 chiếc điện thoại ra, mở màn hình lên thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S cài mật khẩu màn hình còn chiếc điện thoại Samsung J7 không khóa màn hình, C dùng ghim kim loại mầu trắng tháo sim của 02 chiếc điện thoại ra vứt xuống ria đường bên phải, rồi đi bộ ra Trung tâm y tế huyện V lấy xe mô tô đi về nhà ngủ. Đến khoảng 06 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** mang 03 chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại "Vân Giang" ở phố Mới, thị trấn M, huyện V của Đinh Trần G, để bán điện thoại. Khi gặp G, C nói: *"Anh G ơi có mua điện thoại không em bán"* và đưa 03 chiếc điện thoại cho G xem, C tiếp tục hỏi *"Ba con này bao nhiêu",* G xem điện thoại thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S và chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 bị khóa màn hình nên nghĩ điện thoại là do C trộm cắp được, G nói với C: *"Con 5S là 500.000 đồng, con OPPO là 1.500.000 đồng, con J7 là 2.500.000 đồng",* C nói *"Con 5S cho em thêm*

một trăm". Mặc dù biết điện thoại là do C trộm cắp mà có nhưng G vẫn đồng ý mua, G trả cho C số tiền 4.600.000 đồng, toàn bộ số tiền trên C tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua 03 chiếc điện thoại của C, G đã phá mật khẩu màn hình, xóa hết các dữ liệu trong điện thoại rồi để ở tủ kính của cửa hàng để bán lại cho khách, kiếm lời. Sáng ngày 16/8/2018, G bán điện thoại nhãn hiệu OPPO A57 cho một nam thanh niên không quen biết với giá 2.100.000 đồng. Sáng ngày 17/8/2018, G bán chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung J7 cho một nam thanh niên không quen biết giá 2.800.000 đồng. Trưa cùng ngày G bán chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 5S cho một người đàn ông không quen biết với giá 1.300.000 đồng. Sau khi bán 03 điên thoại nêu trên, G thu lời 1.600.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S có giá trị là 2.300.000 đồng và điện thoại nhãn hiệu Samsung J7 có giá trị là 2.500.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn C trộm cắp được của anh Đ là 4.800.000 đồng *(Bốn triệu tám trăm nghìn đồng)*.

Vụ thứ ba:

Khoảng 00 giờ ngày 16/9/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** đi từ nhà đến nhà để xe của Trung tâm y tế huyện V gửi xe ở đó, sau đó C đi bộ theo đường 477C, sau đó rẽ phải đi vào trục đường bê tông xóm 5, xã G đến ngã ba thì rẽ phải đi tiếp khoảng 200 mét đến ngã tư đường xóm 4 rẽ trái đi tiếp 20 mét, lúc này khoảng 02 giờ cùng ngày C phát hiện nhà ông Đặng Trung C1, đã tắt điện đi ngủ, cửa sổ nhà không đóng. C trèo qua tường bao vào trong sân rồi đi đến cửa sổ đang mở, nhìn qua cửa sổ thấy ở trên giường kê sát cửa sổ có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galasy S6, vỏ màu đen, vỏ ốp màu nâu, lắp sim số thuê bao 097***** của ông C1. C thò tay phải qua cửa sổ lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải rồi trèo qua tường bao ra ngoài. C đi đến bãi cỏ cách nhà ông C1 khoảng 30 mét, lấy chiếc điện thoại vừa trộm cắp được ra, mở điện thoại thấy màn hình điện thoại bị khóa bằng mật khẩu, nên C tháo vỏ ốp điện thoại và dùng ghim kim loại mầu trắng móc trên chùm chìa khoá xe máy, tháo sim ra sau đó vứt xuống ria đường bên phải.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galasy S6 có giá trị 3.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Sau khi trộm cắp tài sản nhà anh C1, C tiếp tục đi bộ ra ngã ba đường xóm 4, rẽ trái đi được khoảng 50 mét, lúc này khoảng 03 giờ ngày 16/9/2018, C nhìn thấy nhà anh Đỗ Trọng L, cửa ra vào ban công trên tầng 2 mở. C trèo lên cánh cổng phía sau nhà anh L, rồi trèo sang lan can tầng 2 phía hông bên phải nhà

rồi đi vào phòng ngủ trên tầng 2, C thấy ở đầu giường có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S, vỏ màu vàng hồng, lắp sim số thuê bao 0972**** và 094**** của anh L. C lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần, thấy ở trên bàn học có để 01 chiếc ví giả da màu đen C lấy chiếc ví dắt vào cạp quần rồi trèo ra ngoài theo lối đã vào. Khi ra đến cổng nhà anh L, C mở ví ra xem thấy bên trong ví có số tiền 1.800.000 đồng, C lấy toàn bộ số tiền bỏ vào túi quần và để lại chiếc ví ở cổng nhà anh L, C lấy điện thoại vừa trộm cắp được ra tắt nguồn. Sau đó C đi bộ đến Trung tâm y tế huyện V lấy xe mô tô đi về nhà ngủ. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – *** đem 02 chiếc điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại "Vân Giang" ở phố Mới thị trấn M, huyện V. Khi đến cửa hàng C tháo ghim kim loại mầu trắng ra từ chùm chìa khóa xe và dùng ghim tháo 02 chiếc sim trong điện thoại OPPO F1S ra vứt ở cửa quán của G, sau đó bỏ ghim vào túi quần rồi đi vào quán gặp G, C nói: *"Anh xem mua cho em mấy cái điện thoại"*. G nói: *"Máy đâu đưa đây xem"*, C lấy 02 chiếc điện thoại OPPO F1S và Samsung Galasy S6 ra và đưa cho G xem. Sau khi xem xong mặc dù biết điện thoại là do C trộm cắp mà có nhưng G vẫn đồng ý mua, G nói với C *"Máy SamSung em trả anh 1.500.000 đồng, còn máy OPPO F1S là 2. 500.000 đồng"*, C đồng ý bán. G trả cho C số tiền 4.000.000 đồng, C cầm tiền đi về nhà và không biết chiếc ghim kim loại mầu trắng bị rơi ở địa điểm nào, toàn bộ số tiền trên C tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua 02 chiếc điện thoại của C, G đã phá mật khẩu màn hình của máy, chạy lại phần mềm xóa hết các dữ liệu trong các điện thoại và để ở tủ kính của cửa hàng để bán. Ngày 18/9/2018, chị Lê Thị Đ là người quen của C, chị Đ bị rơi mất chiếc điện thoại OPPO F1S giống với điện thoại mà C trộm cắp của anh L, nên C nói với chị Đ *"Chị có mua máy không em có thằng bạn nó toàn máy ngon"*. Chị Đ trả lời *"Chị chỉ mua máy giống của máy bị mất thôi"*. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** dẫn chị Đ đến cửa hàng điện thoại của G, để mua lại chiếc điện thoại OPPO F1S mà C đã bán cho G, để bán lại cho chị Đ, nhưng đến nơi G không có ở cửa hàng. C lấy điện thoại Nokia 1202 lắp số sim 098*** điện thoại đến số thuê bao 0168**** của G hỏi *"Anh đang đâu vậy về cho em chuộc lại máy OPPO F1S"*. G trả lời *"Đi lên quán trên đi"*. Sau đó C cùng chị Đ đi đến nhà G ở thôn đường 477, xã G, huyện V. Đến nơi C nói với chị Đ *"Chị đứng ở đây đợi, đưa em hai triệu rưỡi em vào lấy máy cho"*. Chị Đ đưa cho C số tiền 2.500.000 đồng, C cầm tiền đi vào nhà gặp G và nói *"Cho em lấy lại con OPPO F1S giá 2.500.000 đồng"*. G đồng ý lấy điện thoại đưa cho C, C cầm điện thoại và đưa G số tiền 2.500.000 đồng. Sau đó C cầm điện thoại ra và đưa cho chị Đ rồi Cảnh đi về nhà. Ngày 19/9/2018, G bán chiếc điện thoại Samsung Galasy S6 cho một người phụ nữa không quen biết với giá 1.800.000 đồng. Sau khi bán máy G lời 300.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F1S có giá trị 2.500.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn C trộm cắp được của anh L là 4.300.000 đồng *(Bốn triệu ba trăm nghìn đồng)*.

Vụ thứ năm: Khoảng 00 giờ ngày 30/9/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** từ nhà đến nhà xe của Trung tâm y tế huyện V gửi xe, sau đó đi bộ vào trục đường bê tông xóm 5, xã G, huyện V, đi đến ngã 3 C rẽ trái đi vào đường bê tông nhỏ khoảng 50 mét, lúc này khoảng 01 giờ cùng ngày, C nhìn thấy gia đình chị Vũ Thị T, có đám cưới, mọi người trong nhà đã đi ngủ hết, cửa nhà không đóng. C đi vào trong nhà nhìn ở tầng 1 thấy không có tài sản gì trộm cắp được, C tiếp tục đi lên tầng 2 thì thấy anh Trần Văn Đ đang ngủ trên chiếc sập gỗ bên cạnh có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 3, vỏ màu đen, có ốp nhựa màu trắng của anh Đ. C lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải rồi đi ra, khi đi cách nhà chị T khoảng 80m, C lấy điện thoại ra xem thấy điện thoại có cài mật khẩu màn hình, điện thoại không có sim, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, C vứt vỏ ốp nhựa màu trắng ở ria đường bên phải, tắt nguồn điện thoại rồi đi bộ đến Trung tâm y tế huyện V lấy xe mô tô đi về nhà ngủ. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** đem điện thoại đến cửa hàng điện thoại "Vân Giang" của G để bán. Khi đến quán C không thấy G nên C lấy điện thoại Nokia 1202, lắp số sim 098**** gọi đến số thuê bao 0168**** của G hỏi *"Anh đang ở đâu"*, G trả lời *"Đang ở quán trên"*. C điều khiển xe mô tô đi lên nhà G ở thôn Đường 477, xã G, huyện V gặp G, C lấy điện thoại SamSung Note 3 ra và nói *"Xem mua cho em cái máy này"*, C đưa điện thoại cho G xem. Mặc dù biết điện thoại do C trộm cắp mà có nhưng G vẫn mua và nói *"Có mật khẩu, vỡ màn hình cái này lấy được 500.000 đồng"*, C đồng ý bán. G đưa cho C 500.000 đồng, C cầm tiền rồi đi về nhà, toàn bộ số tiền trên C tiêu sài cá nhân hết. Sau khi mua điện thoại của C, G đã lấy 01 màn hình mới có tại quán, thay vào màn hình điện thoại đã vỡ, phá mật khẩu của máy và chạy lại phần mền xóa hết các dữ liệu trong điện thoại rồi để ở tủ kính cửa hàng để bán. Ngày 04/10/2018, G bán chiếc điện thoại SamSung Note 3 cho một người phụ nữ không quen biết với giá 700.000 đồng. Sau khi bán điện thoại trên, G lời 200.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V xác định 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 3 có giá trị 3.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 23 giờ ngày 10/10/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe mô tô BKS 35B1 – **** đi từ quán lẩu nướng ở đường 477, thôn L, xã G, huyện V về nhà theo đường 477C, khi đi đến địa phận xã G, huyện V, C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên điều khiển xe mô tô rẽ phải đi vào trong xóm 3, xã G, huyện V để xem nhà dân nào sơ hở thì trộm cắp tài sản. Đến khoảng 01 giờ ngày 11/10/2018, C thấy nhà ông Đinh Đỗ T1, đang có đám cưới nên C nghĩ vào nhà ông T1 để trộm cắp tài sản. C điều khiển xe mô tô đến Trung tâm y tế huyện V gửi xe rồi đi bộ quay lại

nhà ông T1, lúc này khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, C đi vào nhà ông T1 thấy mọi người đã đi ngủ hết, cửa nhà mở, C đi vào trong phòng ngủ, thấy trên giường có 03 người đang nằm ngủ trong màn, trên mặt bàn kê ở phía cuối giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu vàng, lắp sim số thuê bao 0986280492 của chị Đinh Thị Thanh T2 *(là con gái ông Thiệu),* C lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên phải, rồi nhìn vào trong màn thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen, lắp sim số thuê bao 0971*** của anh Nguyễn Văn D *(Chồng chị T2),* C vén màn lên thò tay vào trong màn lấy chiếc điện thoại bỏ vào túi quần bên trái, C tiếp tục quan sát thấy trên mắc áo có treo một chiếc túi sách giả da màu đỏ của bà Nguyễn Thị H *(là vợ ông T1),* C lấy chiếc túi sách cầm trên tay trái, rồi dùng tay phải nắn túi quần của ông Đinh Đỗ T1, đang treo trên mắc áo, C lấy trong túi quần sau của ông T1 số tiền 170.000 đồng rồi bỏ vào túi quần sau của mình. Sau đó C đi sang phòng ngủ bên cạnh thấy ở đầu giường có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi, lắp sim số thuê bao 097**** của chị Đinh Thị Mỹ H1 (*con gái ông T1*). C lấy chiếc điện thoại dắt vào cạp quần phía trước bụng rồi đi ra cổng. Khi ra đến cổng C mở chiếc túi sách ra thấy bên trong có 01 chiếc phong bì, Cảnh xé phong bì thấy bên trong có 100.000 đồng, C lấy 100.000 đồng bỏ vào túi quần sau của mình rồi lấy chiếc túi vải ở bên trong túi sách ra bỏ 03 chiếc điện thoại vừa trộm cắp được vào trong túi vải, C vứt chiếc túi sách ở cổng nhà ông T1 rồi đi bộ ra Trung tâm y tế huyện V lấy xe mô tô. Lúc này khoảng 03 giờ cùng ngày, C điều khiển xe mô tô đi đến nhà G ở thôn đường 477, xã G, huyện V để bán điện thoại, trên đường đi C lấy điện thoại Nokia 1202, mà C mới sử dụng, lắp sim số thuê bao 098***, điện thoại đến số thuê bao 016*** của G nói *"Dậy đi em bán điện thoại"* G trả lời *"Ừ chờ tý"*, C đi đến cửa nhà G, trong lúc chờ G mở cửa C lấy 03 chiếc điện thoại ra và vứt chiếc túi vải ở ria đường, khi G mở cửa C đi vào trong nhà nói với G *"Anh mua cho em"*, G cầm 03 chiếc điện thoại xem và nói *"Chỉ được 3.500.000 đồng thôi vì máy bị khóa hết màn hình rồi"* C nói *"Sao được ít vậy"* G nói *"Máy đều bị khóa bàn phím nên được ít thôi",* C đồng ý bán. Mặc dù biết điện thoại là do C trộm cắp mà có nhưng G vẫn mua và trả cho C số tiền 3.500.000 đồng, C cầm tiền và đi về nhà. Toàn bộ số tiền trên C tiêu sài cá nhân hết. Khoảng 8 giờ 30 phút cùng ngày G gọi điện cho Đinh Tuấn A, sinh năm 1989, trú tại đội 6, L, V bảo ra chở G xuống thành phố N mua giầy, khi đi G cầm theo 03 điện thoại nhưng không cho Tuấn A biết và vẫn để 03 sim vừa tháo ra trong túi quần, trên đường đi đến khu vực đường 477, phố thống N, thị trấn M, G móc ra 03 sim và ném xuống rìa đường bên phải hướng đi. Khi đi qua thị trấn T, huyện H, G bảo Tuấn A dừng xe tại quán điện thoại "Đức Hiệp Mobi" của anh Giang Đức L, G bảo Tuấn A ngồi ngoài đợi còn G cầm theo 03 điện thoại vào và nói với anh L: "*Điện thoại do khách quên mật khẩu bán cho em, giờ em bán lại cho anh*", anh L không biết đây là điện thoại G mua của người trộm cắp nên sau khi xem máy đã đồng ý mua 03 điện thoại của G với giá 6.500.000 đồng. Sau khi mua điện thoại anh L đã phá mật khẩu

máy, chạy lại phần mềm và xóa hết các dữ liệu trên máy rồi bán lại cho khách qua đường, không xác định được tên tuổi, địa chỉ ở đâu. Như vậy, sau khi bán điện thoại cho anh L, G đã thu lời 3.000.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 32/KLĐG-HĐ ngày 19/10/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V, xác định: điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu vàng có giá trị 14.000.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen có giá trị 14.000.000 đồng; di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, vỏ màu ghi có giá trị 7.000.000 đồng.

Như vậy tổng giá trị tài sản Nguyễn Văn C trộm cắp được tại gia đình ông T1 là 35.270.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).*

Ngày 16/10/2018, Cơ qua Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã triệu tập Nguyễn Văn C lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và Đinh Trần G

Qúa trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu giữ:

Của Nguyễn văn C: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, sơn mầu trắng, biển kiểm soát 35B1 – ****; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1202, vỏ mầu đen, loại bàn phím.

Của Đinh Trần G: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280, vỏ mầu đen, loại bàn phím.

Thu giữ tại ria đường 477, xã G, huyện V, cách nhà Đinh Trần G 05 mét 01 chiếc túi vải thổ cẩm có hai quai sách; tại cổng nhà ông T1 (ở xóm 3, xã G, huyện V) 01 túi giả da mầu đỏ.

Thu giữ trên mái nhà chị Vũ Thị T (ở xóm 4, xã G, huyện V) 01 túi giả da mầu hồng, 01 chiếc gương nhỏ mầu hồng, 01 chiếc lược mầu hồng, 01 thẻ công nhân mang tên chị T.

Ngày 12/12/2108, Đinh Trần G đã giao nộp số tiền 5.100.000 đồng. Đây là số tiền G thu lời bất chính, sau khi bán các điện thoại mua của C cho khách mà có.

Chị Lê Thị Đ giao nộp 01 điện thoại OPPO F1S, vỏ mầu vàng hồng, vỏ ốp mầu trắng, màn hình cảm ứng.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKS-GV ngày 28/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N đã truy tố ***Nguyễn Văn C*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh N để xét xử về tội **"Trộm cắp tài sản"**, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Truy tố ***Đinh Trần G*** ra trước Tòa án nhân dân huyện V để xét xử về tội "**Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"**, theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn C và Đinh Trần G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản"; bị cáo Đinh Trần G về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", là đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Người bị hại là chị Vũ Thị T, anh Nguyễn Mạnh Đ, ông Đặng Trung C, anh Đỗ Trọng L, ông Trần Văn Đ, ông Đinh Đỗ T1, bà Nguyễn Thị H, chị Đinh Thị Mỹ H1, chị Đinh Thị Thanh T2, anh Nguyễn Văn D trong quá trình điều tra xác nhận những tài sản mà bị cáo C chiếm đoạt. Anh Nguyễn Mạnh Đ đã nhận số tiền 2.000.000 đồng; chị Đinh Thị Mỹ H1 đã nhận số tiền 5.000.000 đồng; chị Đinh Thị Thanh T2 và anh Nguyễn Văn D số tiền 22.000.000 đồng *(mỗi người 11.000.000 đồng)*; anh Trần Văn Đ, anh Đặng Trung C và chị Vũ Thị T mỗi người đã nhận số tiền 1.500.000 đồng; ông Đinh Đỗ T1 số tiền 170.000 đồng, bà Nguyễn Thị H số tiền 100.000 đồng; anh Đỗ Trọng L số tiền 1.800.000 đồng và 01 điện thoại OPPO F1S, vỏ mầu hồng vàng do gia đình bị cáo C bồi thường theo thỏa thuận và cơ quan Công an trả lại, nên những người trên không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Nguyễn Trọng P trong quá trình điều tra trình bày: Anh và Nguyễn Văn C là anh em ruột, anh không biết Nguyễn Văn C lấy xe mô tô BKS 35B1 ****, của anh để sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, sau khi vụ án xảy ra anh mới biết. Hiện nay, anh đã được cơ quan Công an trả lại chiếc xe mô tô BKS 35B1 – **** và anh không có ý kiến gì.

Anh Giang Đức L tại Cơ quan Cảnh sát điều tra trình bày: Anh là người kinh doanh điện thoại, ngày 11/10/2018 anh có mua của Đinh Trần G 03 chiếc điện thoại di động gồm; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu vàng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, vỏ màu đen; 01 di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus với tổng số tiền 6.500.000 đồng, anh không biết đây là điện thoại G mua của người trộm cắp. Sau đó, đã bán cả 03 chiếc điện thoại trên cho khách qua đường, anh không xác định được tên tuổi, địa chỉ ở đâu và anh không có ý kiến gì.

Chị Lê Thị Đ tại Cơ quan Cảnh sát điều tra trình bày: Ngày 18/9/2018 chị có mua của Nguyễn Văn C 01 điện thoại OPPO F1S với giá 2.500.000 đồng, sau khi vụ án xảy ra chị mới biết. Hiện nay, chị đã giao nộp điện thoại OPPO F1S cho cơ quan Công an. Bà Trần Thị Hồng C là mẹ của Nguyễn Văn C đã bồi thường theo thỏa thuận cho chị số tiền là 1.500.000 đồng. Do vậy, chị không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị

cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Văn C*** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**; bị cáo ***Đinh Trần G*** phạm tội **"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"**, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 15 tháng đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

Đề nghị áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đinh Trần G** từ 24 đến 27 tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N nhận được bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ từ 10% đến 15% thu nhập hàng tháng của Đinh Trần G để sung quỹ Nhà n□ớc trong thời gian chấp hành án. Phạt tiền bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng;

Giao bị cáo **Đinh Trần G** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời giam cải tạo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.100.000 đồng Đinh Trần G giao nộp, đây là số tiền do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động Nokia 1280 vỏ mầu đen thu giữ của Đinh Trần G; 01 điện thoại di động Nokia 1202 vỏ mầu đen thu giữ của Nguyễn Văn C là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C và Đinh Trần G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 11/8/2018 đến ngày 11/10/2018, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của các chủ sở hữu, Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trên địa bàn xã G, huyện V cụ thể: Chiếm đoạt 170.000 đồng của ông Đinh Đỗ T1;

100.000 đồng của bà Nguyễn Thị H; 1.800.000 đồng, 01 điện thoại di dộng của anh Đỗ Trọng L; 500.000 đồng, 01 điện thoại di dộng của chị Vũ Thị T và 07 chiếc điện thoại di động của anh Nguyễn Mạnh Đ, ông Đặng Trung C, ông Trần Văn Đ, chị Đinh Thị Thanh T2, anh Nguyễn Văn D và chị Đinh Thị Mỹ H1. Tổng giá trị tài sản C chiếm đoạt là 53.870.000 đồng (*Năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng*).

Đinh Trần G mua 09 chiếc điện thoại di động, tổng trị giá là 51.300.000 đồng; khi mua Đinh Trần G không hứa hẹn trước, nhưng biết rõ 09 chiếc điện thoại di động nêu trên là do Nguyễn Văn C phạm tội mà có, để bán lại cho khách, với số tiền thu lợi bất chính là 5.100.000 đồng.

Bộ luật Hình sự quy định:

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng."

Điều 323. Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có

"1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiến từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản."

[3]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn C đã nêu trên là phạm tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Hành vi của bị cáo Đinh Trần G đã nêu trên là phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự;

như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh N truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân và xâm phạm vào trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra, xử lý người phạm tội được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, gây nỗi hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện, mà lại đi trộm cắp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để kiếm tiền bất chính. Căn cứ tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn, thì hành vi phạm tội của các bị cáo cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội. Mức hình phạt áp dụng được căn cứ vào tính chất tội phạm, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án để quyết định cho phù hợp.

[5]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn C 06 lần trộm cắp, số tiền trộm cắp của từng lần đều trên 2.000.000 đồng. Bị cáo Đinh Trần G mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng đã 04 lần mua tài sản do Nguyễn Văn C phạm tội mà có. Do vậy, bị cáo C và G đều phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội nhiều lần", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đưa ra tại phiên tòa, đó là: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo C tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra trong vụ án và khai nhận hành vi phạm tội của mình trước khi bị phát hiện; bị cáo Đinh Trần G tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự sự để giảm nhẹ một phần hình phạt d□ới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

[7]. Về nhân thân: Đối với Nguyễn Văn C từng bị kết án, nh□ng đã đ□ợc đ□ơng nhiên xóa án tích, nên đ□ợc coi nh□ ch□a bị kết án.

[8]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, mức độ tham gia vào việc thực hiện tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo Nguyễn Văn C ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t□ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo Đinh Trần G, Hội đồng xét xử xét thấy, không cần thiết phải cách ly bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa ph□ơng nơi bị cáo th□ờng trú và gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Khấu trừ 10% thu nhập hàng tháng theo biên bản xác minh thu nhập đối với bị cáo Đinh Trần G, ngày

19/10/2018 là 4.000.000 đồng/tháng thành tiền là 400.000 đồng/tháng, theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung thêm đối với bị cáo Nguyễn Văn C và Đinh Trần G theo quy định tại khoản 5 Điều 173 và khoản 5 Điều 323 Bộ luật Hình sự để sung quỹ Nhà nước. Cũng đủ điều kiện để bị cáo học tập, cải tạo trở thành ng□ời có ích cho xã hội, đồng thời vẫn đảm bảo đ□ợc tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Mạnh Đ đã nhận số tiền 2.000.000 đồng; chị Đinh Thị Mỹ H1 đã nhận số tiền 5.000.000 đồng; chị Đinh Thị Thanh T2 và anh Nguyễn Văn D mỗi người đã nhận số tiền 11.000.000 đồng; anh Trần Văn Đ, anh Đặng Trung C, chị Lê Thị Đ và chị Vũ Thị T mỗi người đã nhận số tiền 1.500.000 đồng; ông Đinh Đỗ T1 đã nhận số tiền 170.000 đồng, bà Nguyễn Thị H đã nhận số tiền 100.000 đồng; anh Đỗ Trọng L số tiền 1.800.000 đồng do gia đình bị cáo C bồi thường, nên những người trên không yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự. Vì vậy, vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[10]. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Đối với số tiền 5.100.000 đồng Đinh Trần G giao nộp, đây là số tiền do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động Nokia 1280 mầu đen thu giữ của Đinh Trần G; 01 điện thoại di động Nokia 1202 thu giữ của Nguyễn Văn C là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà n□ớc.

Đối với xe mô tô, biển kiểm soát 35B1 – 244.35 thu giữ của Nguyễn Văn C. Quá trình điều tra xác định, đây tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Trọng P. Việc C sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, anh P không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại chiếc xe trên cho anh Nguyễn Trọng P, là phù hợp.

Đối với 01 điện thoại OPPO F1S, vỏ mầu hồng vàng, do chị Lê Thị Đ giao nộp. Quá trình điều tra xác định, đây tài sản hợp pháp của anh Đỗ Trọng L bị Nguyễn Văn C trộm cắp. Đối với 01 túi giả da mầu hồng, 01 chiếc gương nhỏ mầu hồng, 01 chiếc lược mầu hồng, 01 thẻ công nhân mang tên chị T, thu giữ trên mái nhà chị Vũ Thị T. Qúa trình điều tra xác định đây là tài sản của chị T bị Nguyễn Văn C trộm cắp. Đối với 01 túi vải thổ cẩm có hai quai sách thu giữ gần nhà Đinh Trần G và 01 túi giả da mầu đỏ thu tại cổng nhà ông T1. Quá trình điều tra xác định chiếc túi là tài sản của bà Nguyễn Thị H bị Nguyễn Văn C trộm cắp. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã trả lại tài sản trên cho anh Đỗ Trọng L, chị Vũ Thị T, bà Nguyễn Thị H, là phù hợp.

Đối với các điện thoại OPPO A57 của chị Vũ Thị T; điện thoại Iphone 5S và điện thoại SamSung J7 của anh Nguyễn Mạnh Đ; điện thoại SamSung Galasy S6 của anh Đặng Trung C; điện thoại SamSung Note 3 của anh Trần Văn Đ. Sau khi Đinh Trần G mua của Nguyễn Văn C, G đã bán lại cho những người khách qua đường, G không biết tên tuổi, địa chỉ. Vì vậy không đủ căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với điện thoại Iphone 6S Plus của chị Đinh Thị Mỹ H1; điện thoại Iphone 7 Plus của anh Nguyễn Văn D; điện thoại Iphone 7 Plus của chị Đinh Thị

Thanh T2. Sau khi mua của C, G bán lại cho anh Giang Đức L. Sau đó anh L đã bán lại cho những người khách qua đường, anh L không biết tên tuổi, địa chỉ. Vì vậy không đủ căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với chiếc gim bằng kim loại mầu trắng, C dùng để tháo sim điện thoại sau khi trộm cắp được. C không nhớ đã rơi ở địa điểm nào. Vì vậy không đủ căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với điện thoại Nokia 1202 lắp số sim 0981**** C dùng để liên lạc với G khi mua bán điện thoại các ngày 18/9 và 30/9/2018. C đã vứt xuống sông Hoàng Long, không nhớ ở địa điểm nào. Vì vậy không đủ căn cứ để truy tìm, thu giữ.

Đối với những chiếc sim điện thoại và vỏ ốp điện thoại mà Nguyễn Văn C và Đinh Trần G khai nhận đã vứt đi, gồm: sim số 096***** của chị Vũ Thị T; sim số 097**** và 096**** của anh Nguyễn Mạnh Đ; vỏ ốp màu nâu và sim số 097**** của anh Đặng Trung C; sim số 097**** và 094**** của anh Đỗ Trọng L; vỏ ốp nhựa màu trắng của anh Trần Văn Đ; sim số 098**** của chị Đinh Thị Mỹ T2; sim số 097**** của anh Nguyễn Văn D và sim số 0978**** của chị Đinh Thị Mỹ H1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V đã tiến hành truy tìm, nhưng không thu giữ được. Do đó, không có căn cứ để xử lý.

Đối với chị Lê Thị Đ là người mua chiếc điện thoại OPPO F1S của C ngày 18/9/2018 với giá 2.500.000 đồng. Khi mua chiếc điện thoại chị Đ không biết điện thoại là tài sản do C trộm cắp mà có. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với chị Đ.

Đối với anh Giang Đức L là người đã mua 03 chiếc điện thoại của Đinh Trần G ngày 11/10/2018. Khi mua 03 chiếc điện thoại anh L không biết đó là điện thoại Nguyễn Văn C trộm cắp được bán cho G. Vì vậy không đủ căn cứ để xử lý đối với anh L.

[11]. ***Về án phí***: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12]. ***Về quyền kháng cáo***: Bị cáo, người bị hại, ng□ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Văn C*** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***"; bị cáo ***Đinh Trần G*** phạm tội ***"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".***

Căn cứ vào điểm c khoản 2, khoản 5 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn C** 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 19/10/2018. Phạt tiền bổ sung 5.000.000 (Năm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Đinh Trần G** 24 (Hai mươi bốn) tháng Cải tạo không giam giữ; thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ tính từ ngày ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N nhận đ□ợc bản sao bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ 10% thu nhập trong 24 (Hai mươi bốn) tháng, mỗi tháng là 400.000 đồng/tháng. Phạt tiền bổ sung 5.000.000 (Năm triệu) đồng sung ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo **Đinh Trần Giang** cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện V, tỉnh N giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp trong việc giám sát, giáo dục đối với các bị cáo trong thời gian cải tạo.

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 5.100.000 đồng Đinh Trần G giao nộp, đây là số tiền do phạm tội mà có; 01 điện thoại di động Nokia 1280 vỏ mầu đen thu giữ của Đinh Trần G; 01 điện thoại di động Nokia 1202 vỏ mầu đen thu giữ của Nguyễn Văn C là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. (Số tiền tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Đặc điểm các vật chứng tịch thu nộp ngân sách Nhà nước theo biên bản bàn giao, nhận vật chứng ngày 28/12/2018, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự".

3. Về án phí:

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn C và Đinh Trần G mỗi người phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- Công an huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- VKSND huyện V;
- Trại tạm giam CA tỉnh N;
- Bị cáo; Người bị hại;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Ng- ời có QLNVLQ;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

Hà Thiện Thành